

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 12 - 2022
V/v: tranh chấp Hôn nhân và gia
đình (Nga - Tân)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Quảng

2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký TAND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2022/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXX-ST ngày 09/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hằng N**- sinh năm 1988 (Có mặt)

HKTT: thôn T.T, xã Đ.L, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: xóm 10, thôn Đ.C, xã Đ.C, huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh **Đoàn Đình T**- sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn T.T, xã Đ.L, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hằng N trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Đình Tân kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái

Bình ngày 02/12/2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế, nuôi dạy các con. Từ tháng 4/2022 cho đến nay chị và anh T sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Đình T.

Về con chung: Chị và anh Đoàn Đình T có 02 con chung là Đoàn Tiến T- sinh ngày 13/11/2010; Đoàn Tuệ L- sinh ngày 07/02/2014. Cháu Đoàn Anh D- sinh ngày 16/11/2019 là con riêng của chị, không phải là con chung giữa chị và anh Đoàn Đình T. Hiện tại cháu Đoàn Tuệ L, cháu Đoàn Anh D đang sinh sống cùng chị. Cháu Đoàn Tiến T đang sinh sống cùng anh Đoàn Đình T. Ly hôn, do cháu T và cháu L đã trên 7 tuổi chị tôn trọng nguyện vọng của các cháu muốn ở cùng ai. Chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đoàn Tuệ L. Giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đoàn Tiến T và anh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Cháu Đoàn Anh D là con riêng của chị sẽ do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị và anh Đoàn Đình T đã tự giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 23/8/2022 chị N có đơn rút yêu cầu khởi kiện với anh Đoàn Đình T. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị N không rút yêu cầu khởi kiện và giữa nguyên yêu cầu khởi kiện với anh T.

*** Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đoàn Đình T trình bày:**

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như chị N trình bày. Quá trình chung sống sau khi kết hôn, anh chị không có mâu thuẫn gì, mọi thứ diễn ra bình thường. Tuy nhiên khi anh đi xuất khẩu lao động về hẻo lánh Việt Nam sinh sống năm 2021 được một thời gian ngắn thì chị N dẫn theo hai cháu nhỏ bỏ ra ngoài sinh sống, anh cũng không rõ nguyên nhân tại đâu. Đến nay anh biết do chị N có quan hệ ngoài luồng và có con riêng với người khác dẫn đến chị xa lánh anh, bỏ anh và gia đình đi. Anh thấy tình cảm giữa anh và chị N không còn, hôn nhân không thể hàn gắn. Chị N yêu cầu ly hôn với anh vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung như chị trình bày ở trên. Hiện cháu T đang sinh sống cùng anh, cháu L đang sinh sống cùng chị N. Quá

trình giải quyết vụ án, ngày 14/7/2022 anh T có yêu cầu phản tố xác định cháu Đoàn Anh D sinh ngày 16/11/2019 không phải là con chung của anh và chị Nguyễn Thị Hằng N. Nay anh vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố này và đề nghị Tòa án xác định cháu Đoàn Anh D không phải là con chung của anh và chị N mà là con riêng của chị N. Anh yêu cầu chị N phải chịu toàn bộ chi phí giám định xác định huyết thống giữa cháu D và anh tại Tòa án. Ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung của anh chị. Tuy nhiên do các cháu đã lớn nên anh tôn trọng nguyện vọng của các cháu, anh không muốn rằng đi kéo lại để các cháu bị tổn thương. Nếu chị N có nguyện vọng nuôi cháu L thì anh cũng đồng ý để chị N nuôi cháu và anh nuôi cháu T, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nếu anh được nuôi cả hai cháu, anh không đề nghị chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản: Anh và chị Nguyễn Thị Hằng N đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho người bị kiện. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản chấp hành pháp luật tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự có mặt để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Đoàn Đình T là hợp pháp. Do hôn nhân giữa chị N, anh T không thể hàn gắn, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hằng N, xử cho chị được ly hôn anh Đoàn Đình T.

+ Về quan hệ con chung: Xác định chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Đoàn Đình T có 02 con chung là Đoàn Tiến T- sinh ngày 13/11/2010 và Đoàn Tuệ L- sinh ngày 07/02/2014. Quá trình giải quyết vụ án chị N thừa nhận cháu D không phải là con chung giữa chị và anh T, kết luận giám định ADN của Tòa án xác định cháu D và anh T không cùng huyết thống. Như vậy có đầy đủ căn cứ chấp

nhận yêu cầu phản tố của anh T, xác định cháu Đoàn Anh D– sinh ngày 16/11/2019 không phải con chung của anh Đoàn Đình T và chị Nguyễn Thị Hằng N mà là con riêng của chị Nguyễn Thị Hằng N. Ly hôn, giao cháu Đoàn Anh D cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu T, cháu L thì anh T, chị N đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Tuy nhiên cháu T có nguyện vọng ở cùng anh T, cháu L có nguyện vọng ở cùng chị N và hiện tại cháu T do anh T nuôi dưỡng; cháu L do chị N nuôi dưỡng. Do đó ly hôn đề nghị HĐXX giao cháu Đoàn Tiến T cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Đoàn Tuệ L cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, việc cấp dưỡng nuôi con chung đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

Buộc chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu toàn bộ chi phí giám định xác định huyết thống giữa cháu Đoàn Anh D và anh Đoàn Đình T do yêu cầu của anh Tân là chính đáng và có căn cứ.

+ Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Đoàn Đình T đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị N, anh T là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đang sinh sống, làm việc và có hộ khẩu thường trú tại xã Đ.L, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình do đó chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng với quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Đoàn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ.L, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 02/12/2009 đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn theo chị N trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế, nuôi dạy các con. Anh T cho rằng do chị N có quan hệ ngoài luồng và có con riêng với người khác dẫn đến chị xa lánh anh, bỏ anh và gia đình đi. Như vậy có đủ cơ sở xác định giữa chị N, anh T đã phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến chị N bỏ nhà đi và

anh chị sống ly thân với nhau từ tháng 4/2022 cho đến nay. Mặt khác quan hệ giữa anh, chị không thể hàn gắn do chị N đã có con riêng với người khác và kiên quyết đề nghị ly hôn anh T; anh T cũng xác định tình cảm giữa anh, chị không còn và đồng ý ly hôn chị N. Điều này khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, trên thực tế hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hằng N, xử cho chị được ly hôn anh Đoàn Đình T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Đoàn Đình T có 03 con chung là Đoàn Tiến T- sinh ngày 13/11/ 2010; Đoàn Tuệ L- sinh ngày 07/02/2014 và Đoàn Anh D- sinh ngày 16/11/2019.

[2.2.1] Xét yêu cầu phản tố của anh Đoàn Đình T thấy: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Hằng N xác nhận cháu Đoàn Anh D là con riêng của chị. Tài liệu anh, chị cung cấp cho Tòa án có 02 kết luận ADN khác nhau về huyết thống giữa anh T và cháu D. Tuy nhiên anh T khẳng định cháu D không phải là con chung giữa anh và chị N mà là con riêng của chị N. Kết luận giám định ADN do Tòa án trưng cầu xác định cháu Đoàn Anh D và anh Đoàn Đình T không cùng huyết thống. Như vậy có đầy đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Đoàn Đình T, xác định cháu Đoàn Anh D không phải là con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Hằng N mà là con riêng của chị Nguyễn Thị Hằng N. Ly hôn, tiếp tục giao cháu Đoàn Anh D cho chị Nguyễn Thị Hằng Nga trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.2.2] Do yêu cầu phản tố của anh Đoàn Đình T được chấp nhận vì vậy chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu toàn bộ chi phí giám định huyết thống giữa anh Đoàn Đình T và cháu Đoàn Anh D là 5.000.000đ. Số tiền này anh T đã bỏ ra vì vậy cần buộc chị Nguyễn Thị Hằng N phải trả lại cho anh là phù hợp quy định.

[2.2.3] Xác định chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Đoàn Đình T có 02 con chung là Đoàn Tiến T- sinh ngày 13/11/2010; Đoàn Tuệ L- sinh ngày 07/02/2014. Hiện tại cháu T đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu L đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh, chị đều có mong muốn nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên do các cháu đã trên 7 tuổi vì vậy anh, chị tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Bản thân cháu T có nguyện vọng ở cùng anh T, cháu L có nguyện vọng ở cùng chị N và hiện tại các cháu đang ở cùng anh chị như nguyện vọng. Do đó ly hôn HĐXX: giao cháu Đoàn Tuệ L cho chị Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Đoàn Tiến T

cho anh Đoàn Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Chị N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị N, anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Đoàn Đình T đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; án phí xác định cháu Đoàn Anh D không phải là con chung. Do yêu cầu của anh Đoàn Đình T được chấp nhận nên trả lại anh tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hằng N được ly hôn anh Đoàn Đình T.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Xác định chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Đoàn Đình T có 02 con chung là Đoàn Tiến T- sinh ngày 13/11/2010; Đoàn Tuệ L- sinh ngày 07/02/2014. Ly hôn: Giao cháu Đoàn Tuệ L cho chị Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Đoàn Tiến T cho anh Đoàn Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Chị N, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị N, anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

2.2 Xác định cháu Đoàn Anh D không phải là con chung giữa anh Đoàn Đình T và chị Nguyễn Thị Hằng N mà là con riêng của chị Nguyễn Thị Hằng N.

Ly hôn, tiếp tục giao cháu Đoàn Anh D cho chị Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3 Buộc chị Nguyễn Thị Hằng N hoàn trả anh Đoàn Đình T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng chi phí giám định.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Hằng N và anh Đoàn Đình T đã tự thỏa thuận giải quyết xong nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hằng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm + 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí xác định cháu D không phải là con chung. Đối trừ số tiền 300.000đ chị Nguyễn Thị Hằng Nga đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002402 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 27/5/2022 chị Nguyễn Thị Hằng Nga còn phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí.

Trả lại anh Đoàn Đình Tân 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002439 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 14/7/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hằng N, anh Đoàn Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKS huyện Tiền Hải;
- THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã Đông Lâm, h. Tiền Hải;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Lợi

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Quảng

Phan Thị Hạnh Mỹ

Vũ Văn Lợi